

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**

**MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ VÀ DỮ LIỆU  
DANH MỤC DÙNG CHUNG PHỤC VỤ  
CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG CSDL  
MÔI TRƯỜNG CÁC CẤP**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

# NỘI DUNG BÁO CÁO



**1. MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ**



**2. DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG**

# PHẦN I. MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

## 1.1 Khái niệm

Mã định danh là một chuỗi ký tự duy nhất dùng để xác định (phân biệt) các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tượng khác được quản lý khi kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

## 1.2 Căn cứ

- Quyết định số [20/2020/QĐ-TTg](#) của Thủ tướng quy định về mã định danh điện tử của [các cơ quan, tổ chức](#) để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.
- Quyết định số [395/QĐ-BTTTT](#) của Bộ TT&TT ban hành hướng dẫn về sử dụng mã định danh [văn bản](#) trong các hệ thống thông tin

## 1.3 Mục đích sử dụng mã định danh điện tử

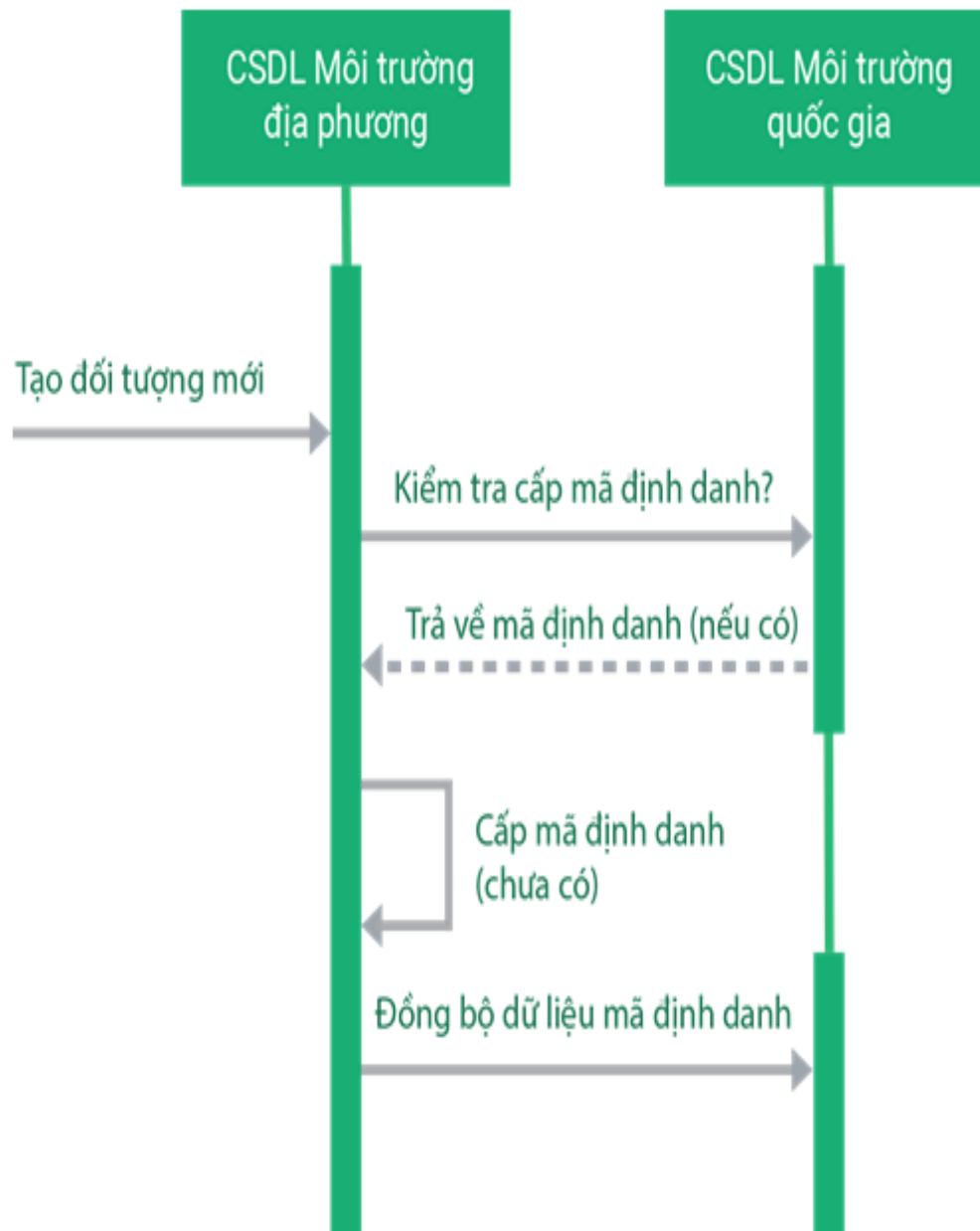
Để quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL môi trường các cấp)

## 1.4 Nguyên tắc quản lý mã định danh

Đối tượng quản lý được tạo lập bởi hệ thống CSDL nào thì phải được cấp mã định danh duy nhất từ hệ thống đó bảo đảm tránh được sự trùng lặp và khả năng tham chiếu chính xác đến một đối tượng trên toàn hệ thống. Cấu trúc mã định danh được quy định sử dụng thống nhất, có tính phân tán để bảo đảm không có sự trùng lặp trong việc cấp mã định danh giữa các hệ thống.

Một đối tượng khi được tạo lập lần đầu để cấp mã định danh sẽ phải được **kiểm tra tính trùng lặp** xem nó đã được tạo lập và cấp mã định danh trước đó hay không. Do vậy, hệ thống cấp mã định danh sẽ phải liên thông với CSDL Quốc gia để có thể đồng bộ dữ liệu, kiểm tra thông tin về tính trùng lặp. Chỉ những đối tượng đã được kiểm tra khẳng định không trùng lặp thì sẽ được cấp mã định danh mới.

# CƠ CHẾ QUẢN LÝ CẤP MÃ ĐỊNH DANH



## 1.5 Cấu trúc mã định danh điện tử cho dữ liệu môi trường

Mã định danh điện tử dùng trong CSDL được thiết lập theo cấu trúc quy tắc URI (URI (Uniform Resource Identifier- Định danh tài nguyên thống nhất) để bảo tính duy nhất có thể chia sẻ trên môi trường web. Một mã URI đầy đủ được định danh gồm 2 phần là

**<miền không gian>:<mã định danh>**

Do tất cả các mã định danh dùng trong CSDL môi trường sẽ dùng chung một miền không gian của URI, vì vậy, chỉ cần quy định cho phần cấu trúc mã định danh được dùng trong miền không gian này. Cấu trúc mã định danh sẽ được quy định cho từng nhóm đối tượng quản lý khác nhau trên cơ sở có cùng một cấu trúc chung gồm 2 phần như sau:

**<mã đối tượng>.<nhóm đối tượng>**

Trong đó <mã đối tượng> phải là duy nhất theo cấu trúc quy định mã định danh của <nhóm đối tượng>.



# BẢNG ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ ĐƯỢC CẤP MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

(Theo Quyết định 454/2023/QĐ-BTNMT Về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường)

STT	Nhóm đối tượng quản lý	Ký hiệu hậu tố	Nhóm dữ liệu áp dụng
1	Chủ đầu tư dự án, cơ sở	CĐT	T_ChuDauTu
2	Dự án và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	DACS	T_MoiTruongDuAn, T_MoiTruongCoSo
3	Làng nghề	MTLN	T_MoiTruongLangNghe
4	Đơn vị dịch vụ quan trắc môi trường	VIMCERT	T_DonViDVQTMT
5	Hồ sơ văn bản về môi trường do cơ quan nhà nước ban hành	Theo kí hiệu của từng loại văn bản do cơ quan ban hành sử dụng	T_VanBanDTM, T_GiayPhepMoiTruong, T_PhuongAnBVMTLangNghe, T_ChungNhanDVQTMT
6	Xử phạt vi phạm hành chính	XPVP	T_XuPhatViPhamHanhChinh
7	Chương trình quan trắc môi trường	CTQT	T_ChuongTrinhQTMT
8	Điểm quan trắc/Trạm quan trắc	ĐTQT	T_DiemTramQTMT
9	Khu vực ô nhiễm môi trường đất (Khu vực ô nhiễm tồn lưu)	ONĐ	T_KhuVucONhiemDat
10	Sự cố chất thải gây ô nhiễm môi trường	SCCT	T_SuCoChatThai
11	Khu vực bảo tồn, di sản thiên nhiên	KVBT	T_KhuVucBaoTonDDSH
12	Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CSBT	T_CoSoBaoTonDDSH

# BẢNG ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ KHÁC ĐƯỢC CẤP MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

(Theo Quyết định 454/2023/QĐ-BTNMT Về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường)

STT	Nhóm đối tượng quản lý	Ký hiệu hậu tố	Nhóm dữ liệu áp dụng
1.	Cơ quan đơn vị quản lý nhà nước	Không áp dụng	T_CoQuanDonVi
2.	Hồ sơ văn bản khác về môi trường do cơ quan nhà nước ban hành	Theo kí hiệu của từng loại văn bản do cơ quan ban hành sử dụng	T_PheDuyetCaiTaoPhucHoi, T_ChungNhanNhanSinhThai, T_DangKyMienTruPOP, T_NguyCoSuCoChatThai, T_QuyHoachMoiTruong, T_KeHoachMoiTruong
3.	Hoạt động thanh tra kiểm tra	TTKT	T_DoanThanhTraKiemTra, T_KetLuanThanhTraKiemTra
4.	Chứng từ chất thải nguy hại	CTNH	T_ChungTuChatThaiNguyHai
5.	Thông báo thu phí môi trường	TPMT	T_ThongBaoThuPhiBVMT
6.	Phân vùng nước mặt xả thải	PVNM	T_PhanVungNuocMat
7.	Dự án cải tạo phục hồi môi trường	DACT	T_CaiTaoPhucHoiMoiTruong
8.	Đề án dịch vụ hệ sinh thái	DVST	T_DichVuHeSinhThai
9.	Báo cáo môi trường	BCMT	T_BaoCaoMoiTruongNhaNuoc, T_BaoCaoMoiTruongDoanhNghiep

# Quy tắc định danh dự án, cơ sở

abbcddnnnnnn-x.DACS

Nhóm dữ liệu áp dụng:

- T\_MoiTruongDuAn
- T\_MoiTruongCoSo

Quy tắc định danh:

**a** là 1 chữ số thể hiện nơi cấp mã định danh dữ liệu (đơn vị tạo lập dữ liệu gốc: 0 = Bộ TN&MT; 1 = Tỉnh/thành; 2 = Bộ Công An; 3 = Bộ Quốc Phòng; 4-9: dự phòng)

**bb** là 2 chữ số mã tỉnh nơi triển khai dự án/cơ sở (trường hợp dự án/cơ sở nằm trên 2 tỉnh sử dụng mã 00). Mã tỉnh được tham chiếu theo Danh mục tỉnh/thành phố được ban hành kèm theo văn bản này.

**c** là cấp thẩm quyền cấp ĐTM/GPMT/ĐKMT cho dự án/cơ sở (1 = cấp trung ương gồm Bộ TN&MT/Bộ Công An/Bộ Quốc Phòng; 2 = cấp tỉnh; 3 = cấp huyện; 4 = cấp xã).

**d** là 1 chữ số thể hiện loại hình: 0 = không xác định; 1 = dự án được thẩm định ĐTM nhưng không hình thành nên cơ sở phải có giấy phép môi trường trước khi đi vào hoạt động; 2 = dự án, cơ sở là đối tượng phải được thẩm định ĐTM trước khi được cấp giấy phép môi trường; 3 = dự án, cơ sở là đối tượng không phải thẩm định ĐTM trước khi được cấp giấy phép môi trường; 4 = dự án, cơ sở thực hiện đăng ký môi trường mới. Tuy nhiên mã của cơ sở sẽ không thay đổi khi thực hiện thay đổi nội dung giấy phép môi trường.

**nnnnnn** là 6 chữ số cấp mã ngẫu nhiên bảo đảm không bị trùng lặp

-x là 1 chữ số hậu tố (tùy chọn) chỉ áp dụng cho các dự án mở rộng của các cơ sở đã đi vào hoạt động thuộc đối tượng phải thẩm định ĐTM trước khi cấp giấy phép môi trường. Nó thể hiện số lần mở rộng của chính cơ sở đó. Ví dụ 00112000001-1.DACS là dự án mở rộng lần thứ nhất của cơ sở có mã định danh là 00112000001.DACS

Ví dụ: 00110000001.DACS là mã do Bộ TN&MT cấp cho dự án/cơ sở tại Hà Nội, thẩm quyền phê duyệt thuộc cấp trung ương

# Các trường thông tin bắt buộc phải có trong cấu trúc thiết kế để sinh mã định danh cho dự án, cơ sở

1. **Nơi cấp mã định danh** (0 = Bộ TN&MT; 1 = Tỉnh/thành; 2 = Bộ Công An; 3 = Bộ Quốc Phòng; 4-9: dự phòng)
2. **Tỉnh/Thành phố** (Mã tỉnh được tham chiếu theo Danh mục tỉnh/thành phố)
3. **Cấp quản lý** (cấp ĐTM/GPMT/ĐKMT) (1 = cấp trung ương gồm Bộ TN&MT/Bộ Công An/Bộ Quốc Phòng; 2 = cấp tỉnh; 3 = cấp huyện; 4 = cấp xã)
4. **Phân loại nguồn thải, lựa chọn theo danh mục sau:**
  0. Không xác định
    1. Dự án phải thẩm định ĐTM nhưng không hình thành cơ sở
    2. Dự án, cơ sở phải thẩm định ĐTM trước khi cấp GPMT
    3. Dự án, cơ sở không phải thẩm định ĐTM trước khi cấp phép môi trường
    4. Dự án, cơ sở thực hiện đăng kí môi trường

## Quy tắc định danh chủ đầu tư dự án cơ sở

<mã tổ chức>.CĐT hoặc <mã cá nhân>.CĐT

Nhóm dữ liệu áp dụng:

- T\_ChuDauTu

*Quy tắc định danh:*

Được quy định theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg. Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thì sử dụng mã số đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để làm mã định danh (có độ dài 10 chữ số hoặc ký tự). Nếu chủ đầu tư là tổ chức (hoặc cá nhân) nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư thì sử dụng mã số dự án đầu tư (10 chữ số) là mã định danh.

Trường hợp chủ đầu tư là cá nhân thì sử dụng mã số căn cước công dân (12 chữ số) để định danh. Nếu không có mã số căn cước công dân thì sử dụng số chứng minh thư (9 chữ số) để thay thế.

Ví dụ: **0331779278**.CĐT là mã cấp chủ đầu tư là cá nhân (sử dụng số căn cước công dân).

## Các trường thông tin bắt buộc phải có trong cấu trúc thiết kế để sinh mã định danh cho chủ đầu tư dự án cơ sở

1. Mã định danh của cơ quan đơn vị ( áp dụng với chủ đầu tư là cơ quan đơn vị - Được ban hành theo các văn bản quy định mã định danh của các Bộ ngành)

Hoặc Mã số đăng ký kinh doanh (áp dụng với chủ đầu tư là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh)

Hoặc Mã số dự án đầu tư (áp dụng với chủ đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài)

Hoặc Mã số căn cước công dân (áp dụng với chủ đầu tư là cá nhân)

# Quy tắc định danh hồ sơ văn bản

Các loại hồ sơ, giấy tờ văn bản do cơ quan nhà nước ban hành được định danh theo quy định tại Quyết định số 395/QĐ-BTTTT của Bộ TT&TT với cấu trúc tối đa 73 ký tự cụ thể như sau:

MaDinhDanhCoQuan-NamBanHanhVB-SoVB

<MaDinhDanhCoQuan>-<NamBanHanhVB>-<SoVB>

*Nhóm dữ liệu áp dụng:*

- **T\_VanBanDTM** quản lý các quyết định phê duyệt thẩm định đánh giá tác động môi trường của dự án hoặc các văn bản tương đương.
- **T\_GiayPhepMoiTruong** quản lý các quyết định cấp giấy phép môi trường hoặc các văn bản tương đương
- ...

*Quy tắc định danh:*

Mã định danh có tối đa 73 ký tự (bao gồm cả dấu chấm "." và ký tự gạch ngang "-"), chia thành ba nhóm, các nhóm phân tách bởi ký tự gạch ngang "-".

Trong đó:

1. Nhóm thứ nhất (**MaDinhDanhCoQuan**): là nhóm thể hiện mã định danh cơ quan, tổ chức ban hành văn bản (VD: Mã định danh cơ quan Bộ Công an thực hiện theo quy định tại **Thông tư số 18/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an**)
2. Nhóm thứ hai (**NamBanHanhVB**): là nhóm thể hiện năm ban hành văn bản.
3. Nhóm thứ ba (**SoVB**): là nhóm thể hiện số, kí hiệu của văn bản gửi đi. (**CodeNumber.CodeNotation**)
  - CodeNumber là thông tin mô tả số của văn bản gửi đi, bao gồm tối đa 11 ký tự (tương ứng với quy định về trường thông tin CodeNumber theo quy chuẩn QCVN 102:2016/BTTTT).
  - CodeNotation là thông tin mô tả ký hiệu của văn bản gửi đi, bao gồm tối đa 30 ký tự (tương ứng với quy định về trường thông tin CodeNotation theo quy chuẩn QCVN 102:2016/BTTTT). Ký tự mã cụ thể đối với mã CodeNotation tuân theo các quy định về công tác văn thư.

Ví dụ: Mã định danh văn bản có giá trị như sau:

000.00.27.G14-2019-01.QĐ

Trong đó, nhóm thứ nhất: 000.00.27.G14 gồm 13 ký tự là mã định danh của Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông

Nhóm thứ hai: 2019 gồm 4 ký tự là năm ban hành văn bản.

Nhóm thứ ba: 01.QĐ gồm 5 ký tự là số (CodeNumber), dấu chấm và ký hiệu (CodeNotation) của văn bản.

## Các trường thông tin bắt buộc phải có trong cấu trúc thiết kế để sinh mã định danh cho chủ đầu tư dự án cơ sở

1. Mã định danh của cơ quan ban hành (Được ban hành theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg và các văn bản quy định mã định danh của các Bộ/Ngành)
2. Năm ban hành
3. Số hiệu văn bản



## PHẦN II. DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG

## 2.1 Khái niệm

Dữ liệu danh mục dùng chung là dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại được sử dụng chung trong các CSDL môi trường bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

## 2.2 Căn cứ

- Các văn bản tham chiếu.

## 2.3 Mục đích sử dụng

Bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

## 2.4 Nguyên tắc xây dựng

- Các bộ dữ liệu danh mục được mô hình hóa thành các nhóm danh mục C\_DanhMuc với hai trường thuộc tính cơ bản nhất là mã mục và tên mục. Các danh mục có thể bổ sung thêm các trường thuộc tính khác theo yêu cầu của thông tin phải biểu diễn trong danh mục

- Định kỳ hàng năm, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học có trách nhiệm rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung bộ danh mục dữ liệu dùng chung và các quy định có liên quan trình Bộ trưởng, xem xét quyết định (Điều 2, Quyết định 454/QĐ-BTNMT)

- Các địa phương khi xây dựng CSDL môi trường sẽ sử dụng bộ danh mục dữ liệu dùng chung được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

## 2.5 Nội dung Dữ liệu danh mục dùng chung

Dữ liệu danh mục dùng chung được chia thành 2 nhóm:

- + Dữ liệu danh mục dùng chung sử dụng theo Danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước đã được ban hành (gồm 7 danh mục, được ban hành theo Quyết định 454/QĐ-BTNMT ngày 03/03/2023 - Phụ lục 3.1)

- + Dữ liệu danh mục dùng chung về môi trường (37 danh mục, được ban hành theo Quyết định 454/QĐ-BTNMT ngày 03/03/2023 - Phụ lục 3.2)

# CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG SỬ DỤNG THEO DANH MỤC ĐIỆN TỬ DÙNG CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
<b>1.</b>	<b>Vùng miền</b>		<b>C_VungMien</b>		
		Mã vùng miền	MaMuc	Text	1
		Tên vùng miền	TenMuc	Text	1
<b>2.</b>	<b>Tỉnh/Thành phố</b>		<b>C_TinhThanh</b>		
		1. Mã Tỉnh/Thành phố	MaMuc	Text	1
		2. Tên Tỉnh/Thành phố	TenMuc	Text	1
		Vùng miền	VungMien	C_VungMien	1
<b>3.</b>	<b>Quận/Huyện</b>		<b>C_HuyenQuan</b>		
		1. Mã Quận/Huyện	MaMuc	Text	1
		2. Tên Quận/Huyện	TenMuc	Text	1
		3. Tên Tỉnh/Thành phố	TinhThanh	C_TinhThanh	1
<b>4.</b>	<b>Xã/Phường</b>		<b>C_XaPhuong</b>		
		1. Mã Phường/Xã	MaMuc	Text	1
		2. Tên Phường/Xã	TenMuc	Text	1
		3. Tên Huyện/Quận	HuyenQuan	C_HuyenQuan	1
		4. Tên Tỉnh/Thành phố	TinhThanh	C_TinhThanh	1
<b>5</b>	<b>Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</b>		<b>C_LoaiNganh NgheKinhTe</b>		
		1. Mã ngành kinh tế	MaMuc	Text	1
		2. Tên ngành kinh tế	TenMuc	Text	1
		3. Nhóm ngành kinh tế	ThuocNhom	Text	1

## CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG SỬ DỤNG THEO DANH MỤC ĐIỆN TỬ DÙNG CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH (TIẾP)

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
<b>6.</b>	<b>Lưu vực sông</b>		<b>C_LuuVucSong</b>		
		Mã lưu vực sông	MaMuc	Text	1
		Tên lưu vực sông	TenMuc	Text	1
		Lưu vực sông vấp trên	LuuVucCha	C_LuuVucSong	1
		Tên tỉnh/thành phố	TinhThanh	C_TinhThanh	1
		Chiều dài	Chiều dài	Text	1
		Diện tích	Diện tích	Text	1
<b>7.</b>	<b>Sông</b>		<b>C_Kenh Song</b>		
		Mã sông	MaMuc	Text	1
		Tên sông	TenMuc	Text	1
		Tên lưu vực sông	LuuVucSong	C_LuuVucSong	1
		Tên tỉnh/thành phố	<b>TinhThanh</b>	C_TinhThanh	1
		Chiều dài	Chiều dài	Text	1

# CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
1.	Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường		C_NhomDuAn		
		1. Mã nhóm dự án	MaMuc	Text	1
		2. Tên nhóm dự án	TenMuc	Text	1
		3. Mô tả nhóm dự án	MoTaMuc	Text	1
2	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ONMT		C_LoaiHinhGayONhiem		
		1. Mã loại hình	MaMuc	Text	1
		2. Tên loại hình	TenMuc	Text	1
3.	Loại hình làng nghề		C_LoaiHinhLangNghe		
		1. Mã loại hình	MaMuc	Text	1
		2. Tên loại	TenMuc	Text	1
4.	Tình trạng ô nhiễm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ		C_TinhTrangONhiem		
		1. Mã tình trạng	MaMuc	Text	1
		2. Tên tình trạng ô nhiễm	TenMuc	Text	1

## CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG (TIẾP)

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
5.	<b>Loại văn bản ĐTM/Kế hoạch BVMT</b>		<b>C_LoaiVanBanDTM</b>		
		1. Mã văn bản	MaMuc	Text	1
		2. Tên văn bản	TenMuc	Text	1
6.	<b>Phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất</b>		<b>C-TenLoaiPheLieu</b>		
		1. Mã hồ sơ	MaMuc	Text	1
		2. Tên phế liệu	TenMuc	Text	1
		3. Nhóm phế liệu	NhomPheLieu	Text	1
		4. Văn bản quy định	QuyDinhTai	Text	1
7.	<b>Nhóm phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất</b>		<b>C_NhomPheLieu</b>		
		1. Mã nhóm phế liệu	MaMuc	Text	1
		2. Tên nhóm phế liệu	TenMuc	Text	1



# CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG (TIẾP)

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
<b>8.</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>		<b>C_Loai CTNH</b>		
		1. Mã CTNH	MaMuc	Text	1
		2. Tên CTNH	TenMuc	Text	1
		3. Mã EC	MaEC	Text	1
		4. Mã Basel (A)	MaBaselA	Text	1
		5. Mã Basel (B)	MaBaselB	Text	1
		6. Tính chất nguy hại	TinhChatNguyHai	Text	1
		7. Trạng thái tồn tại CTNH	<b>TrangThaiTonTaiCTNH</b>	Text	1
		Ngưỡng CTNH	NguongCTNH	Text	1
		8. Phân nhóm CTNH	PhanNhomCTNH	C_PhanNhom CTNH	1
		9. Nhóm CTNH	NhomCTNH	C_NhomCTNH	1
...					
<b>18</b>	<b>Thông số quan trắc môi trường</b>		<b>C_ThongSo MoiTruong</b>		
		1. Mã thông số	MaMuc	Text	1
		2. Tên thông số	TenMuc	Text	1
		3. Ký hiệu hóa học	KyHieuHoaHoc	Text	1
		4. Loại hình QTMT	LoaiHinhQTMT	C_LoaiHinh QTMT	1
		5. Văn bản quy định	QuyDinhTai	Text	1

# CẤU TRÚC DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG (TIẾP)

STT	Tên Danh mục	Thông tin chi tiết	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Số lượng
<b>26.</b>	<b>Loại hình khu bảo tồn thiên nhiên</b>		<b>C_LoaiHinhKhuBaoTon</b>		
		1. Mã loại hình	MaMuc	Text	1
		2. Tên loại hình khu bảo tồn thiên nhiên	TenMuc	Text	1
		3. Phân nhóm bảo tồn thiên nhiên	PhanNhomBaoTonDDSH	Text	1
...					
<b>35</b>	<b>Loài ưu tiên bảo vệ</b>		<b>C_LoaiUuTienBaoVe</b>		
		1. Mã loài	MaMuc	Text	1
		2. Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	TenMuc	Text	1
		3. Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	TenKH	Text	1
		4. Nhóm	TenNhom	Text	1
		5. Ngành	TenNganh	Text	1
		6. Lớp	TenLop	Text	1
		7. Bộ	TenBo	Text	1
		8. Họ	TenHo	Text	1
		9. Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)	PhanLoai UuTien BaoVe	Text	1

## DỮ LIỆU DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Danh mục	Mã nhóm dự án	Tên nhóm dự án	Mô tả nhóm dự án
<b>C_NhomDuAn</b>	<b>MaMuc</b>	<b>TenMuc</b>	<b>MoTaMuc</b>
	01	Dự án đầu tư nhóm I	Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao
	02	Dự án đầu tư nhóm II	Dự án có nguy cơ nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật BVMT số 72/2020/QH14
	03	Dự án đầu tư nhóm III	Dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Luật BVMT số 72/2020/QH14
	04	Dự án đầu tư nhóm IV	Dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc quy định các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 Luật BVMT 72/2020/QH14

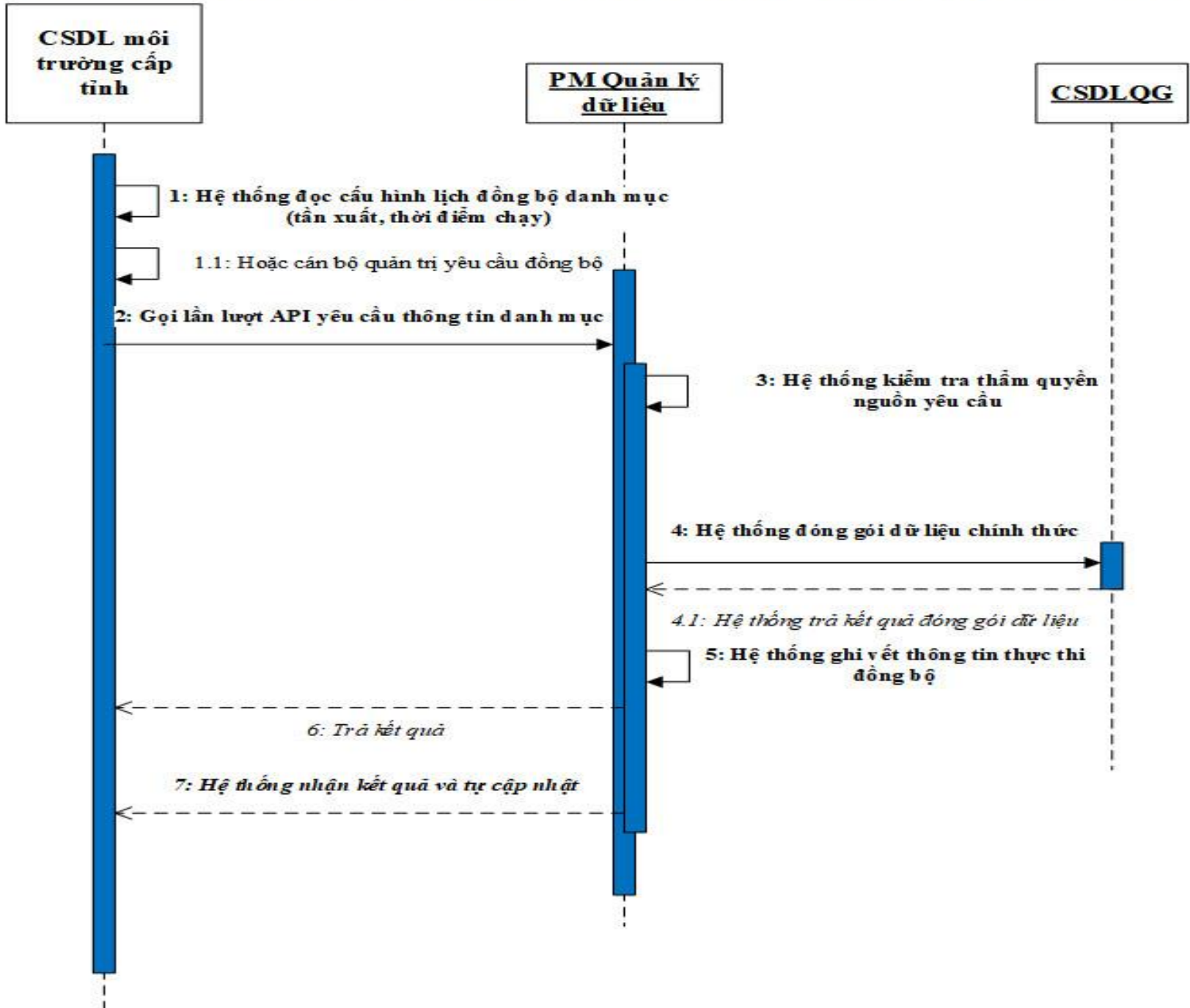
# DỮ LIỆU DANH MỤC CHẤT THẢI NGUY HẠI

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
C Loại CTNH	MaMuc	TenMuc	MaEC	MaBaselA	MaBaselY	TinhChat NguyHai	TrangThai TonTaiCTNH	Nguong CTNH	PhanNhomCTNH_C PhanNhomCTNH_MaMuc_TenMuc	NhomCTNH C_NhomCTNH
	01 01 01	Cặn thải có khả năng sinh axit từ quá trình chế biến quặng sunfua	01 03 04	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 02	Các loại cặn thải khác có các thành phần nguy hại	01 03 05	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTPKS	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 03	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến quặng sắt	01 03 07	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 04	Chất thải dạng bột bụi không chứa thành phần nguy hại	01 03 08					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 05	Chất thải từ hoạt động khai thác quặng sắt	01 01 01					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế

# DỮ LIỆU DANH MỤC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BVMT

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
C_HanhVi i VPHC	MaMuc	TenMuc	TenHanhVi	MucPhat Duoai	MucPhat Tren	DieuKhoan	HinhThucXuP hat BoSung	BienPhapK hac PhucHauQ ua	C_NghiDin hXPVPHC
	155.8.1.a	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với thực thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và quy định tại điểm c khoản này	0	0	Điều 8 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/N Đ-CP
	155.8.1.b	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với không thực hiện một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	500	1,000,000	Điều 8 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/N Đ-CP

# BIỂU ĐỒ TUẦN TỰ CHỨC NĂNG ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG



**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**